

Số: 92/2025/QĐST- DS

Hải Hậu, ngày 29 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản để thi hành án”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Đính.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 28/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 05 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải S, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 01 tháng 03 năm 2025, bản tự khai, bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 30/05/2023 Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã ra Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 30/05/2023 về việc buộc ông Trần Văn Đ phải có trách nhiệm trả nợ bà Lê Thị H số tiền 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng). Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà H đã làm đơn đề nghị thi hành án Nng ông Trần Văn Đ không tự nguyện thi hành án.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã xác minh điều kiện thi hành của ông Trần Văn Đ và vợ là bà Nguyễn Thị N. Về tài sản, vợ chồng ông Đ, bà N có khối tài sản chung gồm: Diện tích đất 110m² đất HNK (đất trồng

cây hàng năm khác) và công trình trên đất một nhà cấp 4 lợp tôn thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã ra các thông báo thi hành án số 739/TB-THA ngày 17/12/2024 để thông báo cho ông Trần Văn Đ người phải thi hành án và bà Nguyễn Thị N người có quyền sở hữu chung tài sản với ông Trần Văn Đ về việc thỏa thuận chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Tuy nhiên, ông Đ, bà N không tự nguyện thỏa thuận hay yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Do đó, bà Lê Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với tài sản chung của ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N trong khối tài sản sau:

Quyền sở hữu diện tích đất 110m² đất HNK (đất trồng cây hàng năm khác) và công trình ở trên đất một nhà cấp 4 lợp tôn thuộc thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S để bà H yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu thi hành khoản tiền mà ông Trần Văn Đ phải trả cho bà H.

Tại biên bản lấy lời khai khai ngày 24/04/2025, ông Trần Văn Đ trình bày: Ông Trần Văn Đ công nhận nợ bà Lê Thị H số tiền 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng) N trong bản án sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 30/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Do sức khỏe của ông Đ yếu đi lại bằng xe lăn, hiện không có thu nhập. Cuộc sống hàng ngày phụ thuộc vào vợ và các con nên không có khả năng nộp tiền cho bà H để thi hành án. Hiện nay, tài sản ông Đ có một nhà cấp 4 lợp tôn xây trên thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 diện tích 110m² (đất HNK). Đối với các tài sản mà bà H kê khai, ông Đ công nhận là tài sản chung của vợ chồng và là nơi sinh hoạt duy nhất của vợ chồng ông, ngoài ra tài sản không còn chỗ nào khác, diện tích đất ông là loại đất đất nông nghiệp giá trị không đáng kể nên không có điều kiện để thi hành án.

Kết quả xác minh tại cơ sở xóm 10 và UBND xã Hải S thể hiện: Vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị N có khối tài sản chung N bà H kê khai là đúng. Hiện ông Đ, bà N Đ sinh sống tại nhà cấp 4 lợp tôn xây trên thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 diện tích 110m² (đất HNK) tại xóm 10 xã Hải S là tài sản chung của ông Đ, bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

- Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp, Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự; căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H:

Xác định: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 diện tích 110m² đất trồng cây hàng năm tại xóm 10, xã Hải S được UBND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp ngày 27/7/2007 đứng tên

ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị N ; Xác định ông Trần Văn Đ được $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với tài sản này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông Đ, bà N là phù hợp.

[2] Về nội dung: Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2023/DS-ST ngày 30/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu thể hiện: Ông Trần Văn Đ phải có nghĩa vụ trả nợ bà Lê Thị H số tiền 590.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi triệu đồng). Do ông Đ không tự nguyện thi hành án nên bà H đã nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo quy định tại Điều 7 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[2.1] Quá trình thi hành án xác định được ông Trần Văn Đ có vợ là bà Nguyễn Thị N có khối tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S diện tích 110m² (đất HNK) và công trình trên đất là 01 nhà cấp 4 lợp tôn nên bà H có đơn yêu cầu Tòa án xác định, phân chia tài sản chung là: Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với quyền sử dụng các thửa đất nêu trên của ông Đ, bà N để thi hành án đối với khoản tiền nợ là phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[2.2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu cung cấp thể hiện: Thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41, diện tích 110m² đất HNK vị trí tại xóm 10, xã Hải S, huyện H, tỉnh Nam Định; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) số sêri AK 047454 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 27/07/2007 đứng tên ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị N. Nguồn gốc đất nhận chuyển Nợ của ông Nguyễn Văn Thanh vào năm 2007.

[2.3] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/05/2025 thể hiện ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N có khối tài sản chung là thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S diện tích 110m² đất ở vị trí tại xóm 10, xã Hải S, trên đất có 01 nhà mái cấp 4 lợp tôn do vợ chồng ông Đ, bà N xây dựng và Đ sử dụng.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N đều xác định tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng, có nguồn gốc do nhận chuyển Nợ của người khác.

[2.5] Từ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự, căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà và các công trình trên thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S diện tích 110m² (đất HNK) tại xóm 10, xã Hải S huyện Hải Hậu là tài sản chung của vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N. Xác định giá trị tài sản mà ông Đ, bà N được hưởng N nhau và bằng $\frac{1}{2}$ tổng giá trị các tài sản

nêu trên. Do đó khẳng định yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận; phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên họp.

[3] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 27, Điều 35, Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213, Điều 219 của Bộ luật Dân sự; Điều 74 Luật thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H;

Xác định tài sản gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là nhà và các công trình trên thửa đất số 220, tờ bản đồ số 41 xã Hải S (diện tích 110m² (đất HNK) tại xóm 10, xã Hải S, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận QSDĐ số sêri AK 047454 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 27/07/2007 tên ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị N là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của vợ chồng ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị N; trong đó phần quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Trần Văn Đ được xác định bằng 1/2 giá trị các tài sản trên.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Người yêu cầu được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày kể từ ngày tham gia phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải S;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Văn Đính